TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07/8/2018
V/v: Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

I. N phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

1. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huấn.

2. Các Hội thẩm nhân dân:

2.1. Bà Đặng Thị Thêm;

2.2. Ông Trần Xuân Hòa.

II. Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

II. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên: Bà Đặng Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 07/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 175/2018/TLST-HNGĐ ngày 06/7/2018 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 59/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 23/7/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tạ Thị Bẩy T, sinh năm 1984, *có mặt*.

Quê quán, HKTT, trú tại: Thôn L, xã Đ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Anh Trần Ngọc H, sinh năm 1972, *vắng mặt*.

Quê quán: Thôn Tr, xã Ê, huyện Ư, tỉnh Thái Bình; HKTT: Thôn L, xã Đ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên **.**

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Cháu Trần Ngọc N, sinh ngày 11/9/2003, *vắng mặt*;

3.2. Cháu Trần Thị Quỳnh A, sinh ngày 29/11/2009, *vắng mặt*.

Người giám hộ cho cháu N và A là chị Tạ Thị Bẩy T và anh Trần Ngọc H.

Đều HKTT: Thôn L, xã Đ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

4. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1954 *vắng mặt*.

Trú tại: Thôn L, xã Đ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/7/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Tạ Thị Bẩy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2003 chị về chung sống cùng anh Trần Ngọc H, sinh năm 1972 người quê ở thôn Tr, xã Ê, huyện Ư, tỉnh Thái Bình. Việc hai bên về chung sống là tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Chị và anh H chung sống tại quê của chị T xã Đ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên cho đến nay và hiện cả hai bên vẫn đăng ký hộ khẩu tại địa phương xã Đ. Trong suốt thời gian về sống chung đến nay mặc dù đủ điều kiện để làm thủ tục đăng ký kết hôn nhưng anh, chị vẫn không thực hiện việc đăng ký theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu hai bên hòa Tận bình thường nhưng từ năm 2009 hai bên bắt đầu nẩy sinh mâu thuẫn và ngày càng trở lên căng thẳng nên hiện anh, chị không còn sống chung cùng nhau nữa. Đến nay chị xác định không thể tiếp tục sống chung cùng anh H nên chị quyết định làm đơn xin giải quyết việc ly hôn với anh H theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đã thụ lý giải quyết vụ án và thông báo cho các bên đương sự đến giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về các nội dung liên quan. Ngày 16/7/2018 anh Trần Ngọc H đã đến Tòa án và cho biết quan điểm về những nội dung liên quan cụ thể như sau: Anh H cũng xác định từ năm 2003 anh về chung sống cùng chị Tạ Thị Bẩy T, sinh năm 1984 là người quê ở thôn L, xã Đ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Việc anh, chị về chung sống cùng nhau là sự tự nguyện của cả hai bên, không ai bị ép buộc, lừa dối. Tuy nhiên trong suốt thời gian về sống chung đến nay mặc dù đủ điều kiện để làm thủ tục đăng ký kết hôn nhưng hai bên vẫn không thực hiện việc đăng ký theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận bình thường nhưng từ năm 2009 hai bên bắt đầu nẩy sinh mâu thuẫn và ngày càng trở lên căng thẳng nên hiện anh, chị không còn chung sống cùng nhau nữa. Đến nay chị T làm đơn gửi tới Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên để xin được giải quyết ly hôn với anh, quan điểm của anh cũng nhất trí đề nghị Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu giải quyết vụ án trên theo quy định của pháp luật. Đồng thời anh H cũng xác định vì bận công việc nên anh đề nghị Tòa án không phải báo anh đến làm việc, hòa giải nữa mà đề nghị giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh như quan điểm anh đã trình bầy. Mọi giấy tờ thủ tục liên quan anh đề nghị Tòa án gửi về chính quyền địa phương, niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã Đ để anh được biết.

Về con chung: Chị T, anh H đều khẳng định anh, chị có hai con chung, cháu lớn tên là Trần Ngọc N, sinh ngày 11/9/2003 và cháu nhỏ là Trần Thị Quỳnh A, sinh ngày 29/11/2009. Nếu ly hôn hai bên thống nhất giao cả cháu N và cháu A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu trưởng N. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh H đều không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết. Quan điểm của cháu N và cháu A đều xác định nếu bố mẹ ly hôn cháu xin được ở với mẹ.

Ngoài ra các cháu không có ý kiến gì khác nên đều có đơn xin được giải quyết, xét xử vắng mặt.

Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chung; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Chị T và anh H đều khẳng định không có gì liên quan, không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Tại các tài liệu các bên đương sự cung cấp, cũng như nội dung xác minh của Tòa án tại chính quyền địa phương xã Đ và lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cùng người chứng cho thấy: Thống nhất như lời khai của chị T, anh H.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị T vẫn giữ nguyên quan điểm, yêu cầu xin ly hôn và các quan hệ liên quan như đã khai tại Tòa án trước đây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án;

2. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 228 – BLTTDS năm 2015; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Các điều 15, 16, 51, 53, 57, 81, 82, 83, 84 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016.

- Về quan hệ hôn nhân: Cần xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tạ Thị Bẩy T và anh Trần Ngọc H.

- Về con chung: Cần xử giao cả hai cháu Trần Ngọc N, sinh ngày 11/9/2003 và Trần Thị Quỳnh A, sinh ngày 29/11/2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 07/8/2018 cho đến khi các cháu trưởng N. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn anh H được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của chị T và anh H đối với hai bên gia đình: Các bên đều khẳng định không có gì liên quan, không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

- Áp dụng Điều 147 BLTTDS năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Việc chị Tạ Thị Bẩy T và anh Trần Ngọc H về chung sống cùng nhau là tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc. Tuy nhiên cho đến nay hai bên vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau thời gian về sống chung hai bên xẩy ra mâu Tẫn, bất đồng nên hiện không còn chung sống cùng nhau nữa. Đến nay chị T xác định hai bên không thể hàn gắn nên chị làm đơn xin được giải quyết ly hôn với anh H theo quy định của pháp luật. Quan điểm của anh H xác định giữa anh, chị không có đăng ký kết hôn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Qua tài các tài liệu Tòa án xác minh, T thập, cũng như lời khai của người làm chứng đều cho thấy thời gian anh H, chị T chung sống đến nay chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ theo khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình cần xử không công nhận quan hệ vợ cH giữa chị Tạ Thị Bẩy T và anh Trần Ngọc H.

Về nuôi con chung: Chị T, anh H đều khẳng định anh, chị có hai con chung, cháu lớn tên là Trần Ngọc N, sinh ngày 11/9/2003 và cháu nhỏ là Trần Thị Quỳnh A, sinh ngày 29/11/2009. Nếu ly hôn hai bên thống nhất giao cả cháu N và cháu Anh cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu trưởng N. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh H đều không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết. Quan điểm của cháu N và cháu Anh đều xác định nếu bố mẹ ly hôn cháu xin được ở với mẹ. Xét thấy nguyện vọng của các bên đều là chính đáng, bản thân chị T đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Vì vậy cần xử giao cả hai cháu Trần Ngọc N và Trần Thị Quỳnh A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 07/8/2018 cho đến khi các cháu trưởng N. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên đều đều không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn anh H được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Chị T và anh H đều khẳng định không có gì liên quan, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 – BLTTDS năm 2015; Điều 9, khoản 1 Điều 14, 15, 16, 51, 53, 57, 81, 82, 83, 84 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về hôn nhân: Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tạ Thị Bẩy T và anh Trần Ngọc H.

3. Về nuôi con chung: Xử giao cả hai cháu Trần Ngọc N, sinh ngày 11/9/2003 và Trần Thị Quỳnh A, sinh ngày 29/11/2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 07/8/2018 cho đến khi các cháu trưởng N. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn anh H được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo Biên lai T số 0002372 ngày 06/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và người đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo bản án và nội dung liên quan đến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn và người đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo bản án và nội dung liên quan đến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Huấn